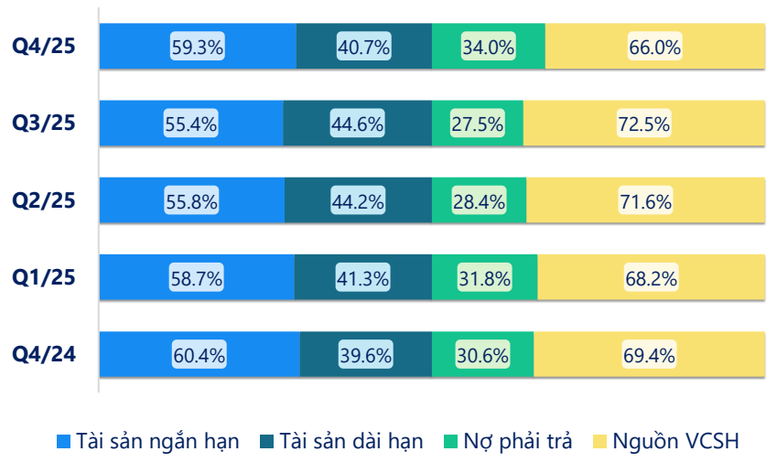
FireAnt

CTCP Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (UPCOM: PSB)

Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	4,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	6,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,300
SL cổ phiếu LH	50,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	30,410
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	245
P/E	152.5
EPS	32

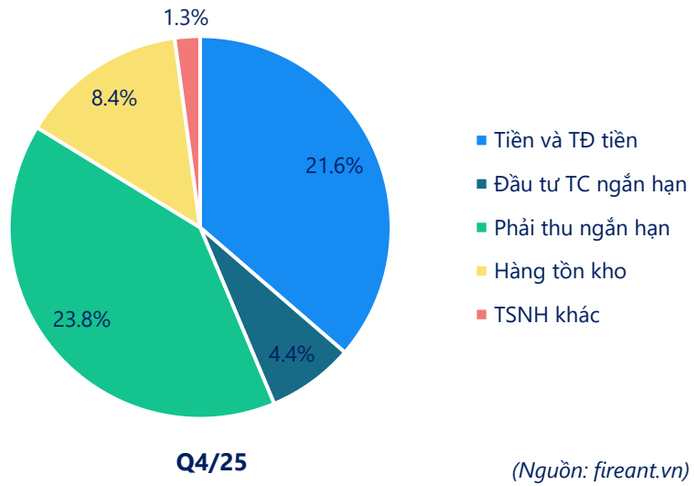
	YTD	1T	3T	6T
PSB	-21.0%	8.9%	11.4%	8.9%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



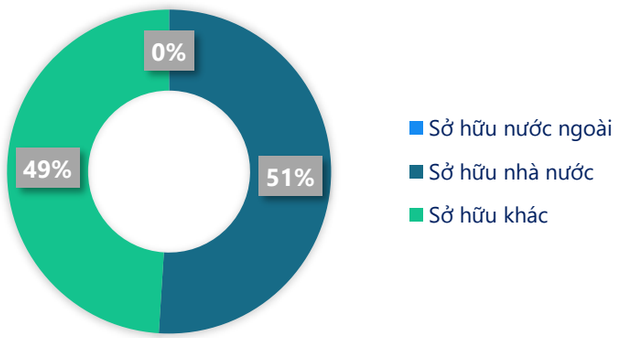
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



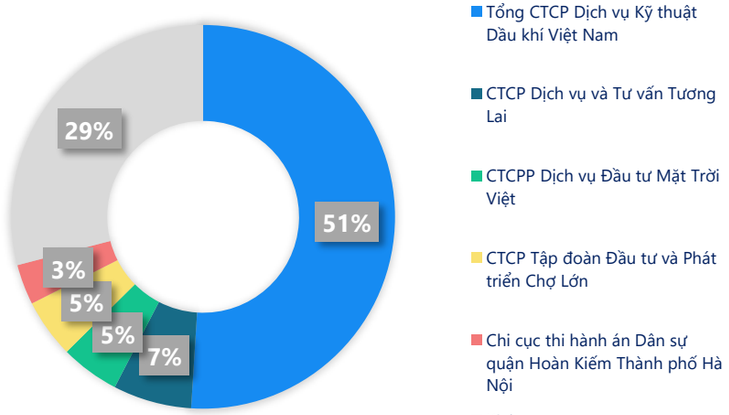
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



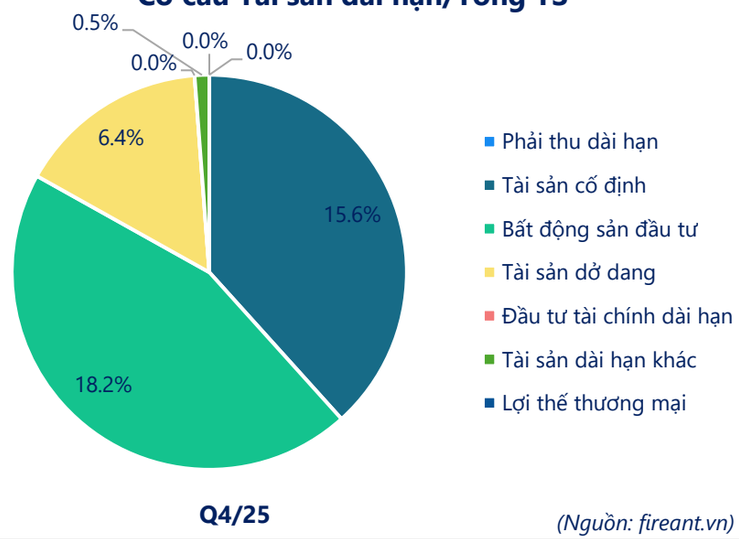
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

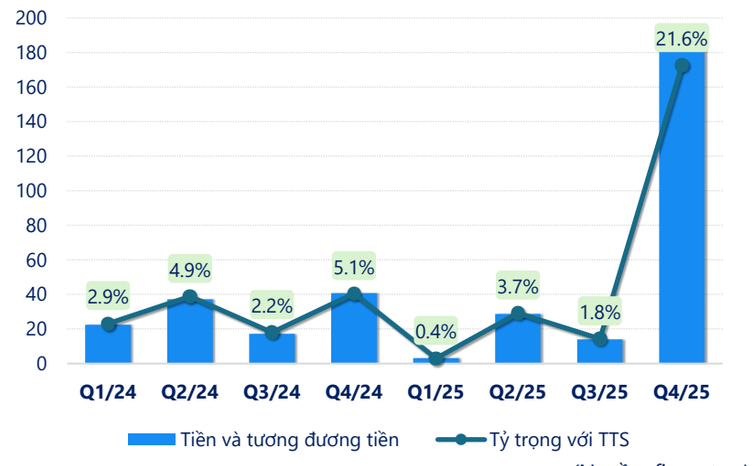


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

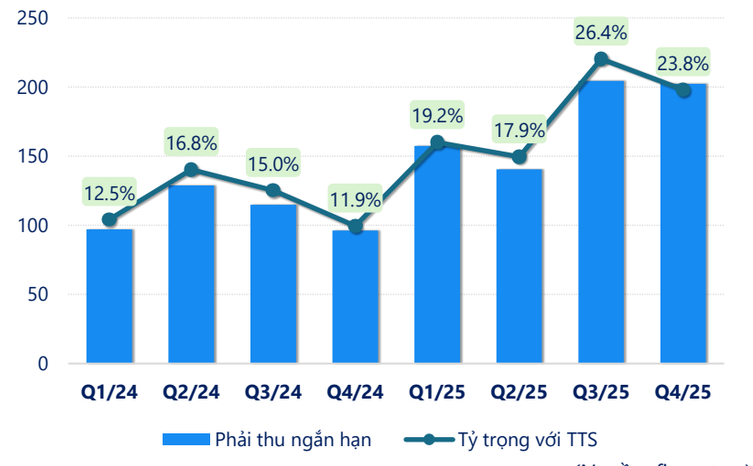
CTCP Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (UPCOM: PSB)

Tiền và tương đương tiền



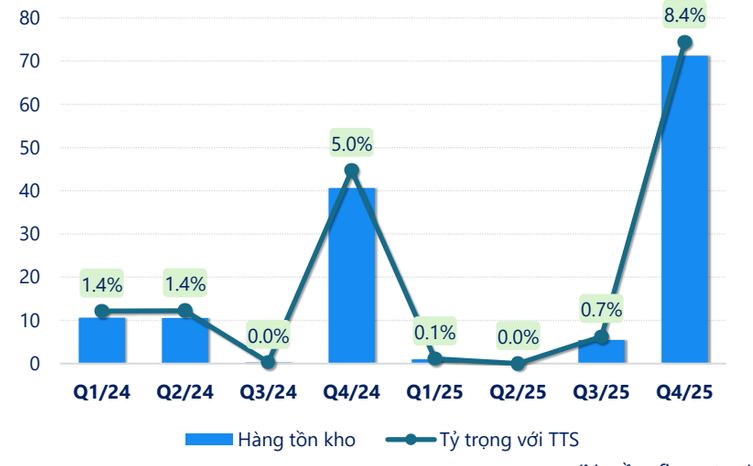
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



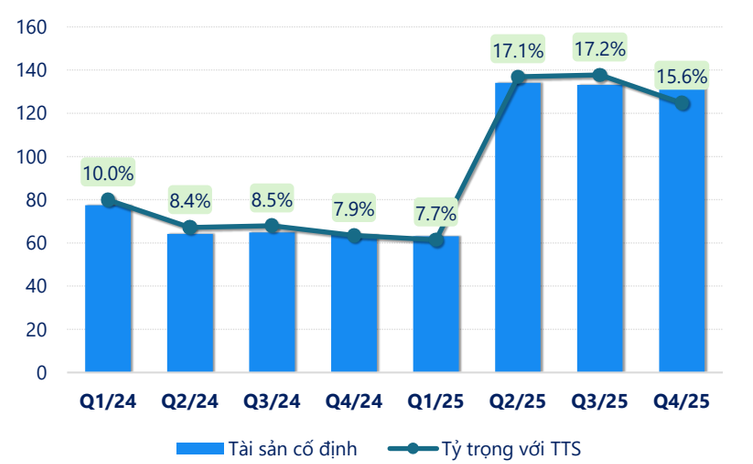
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



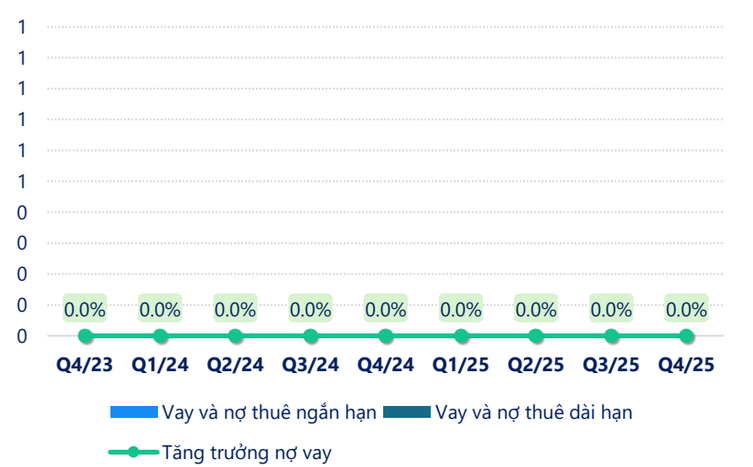
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



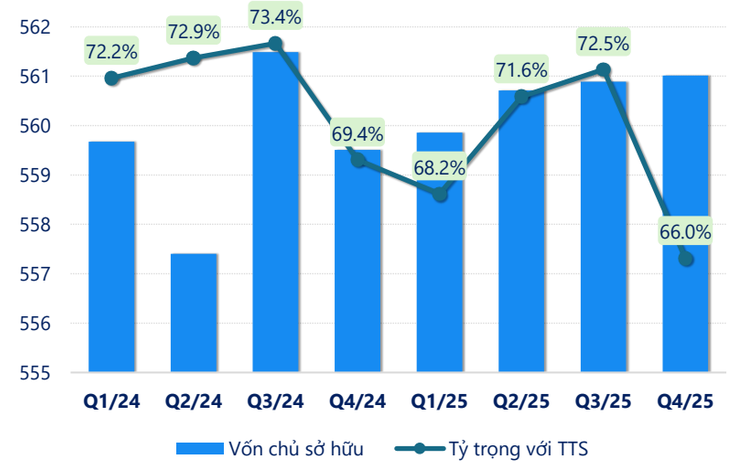
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

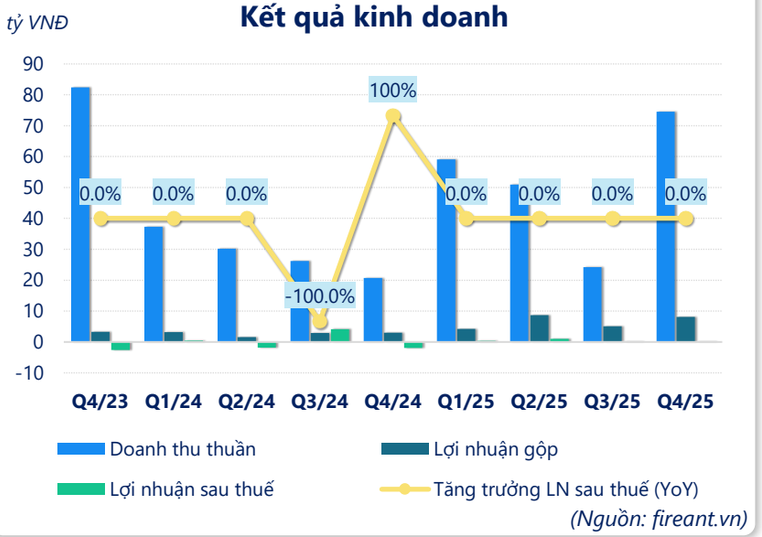


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

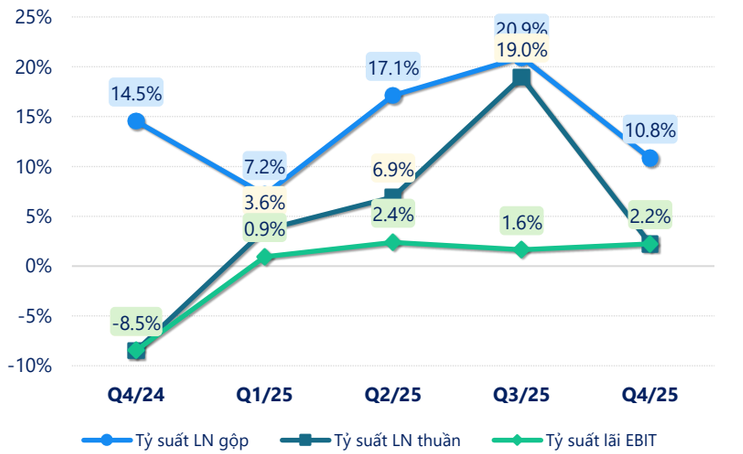
CTCP Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (UPCOM: PSB)

Kết quả kinh doanh



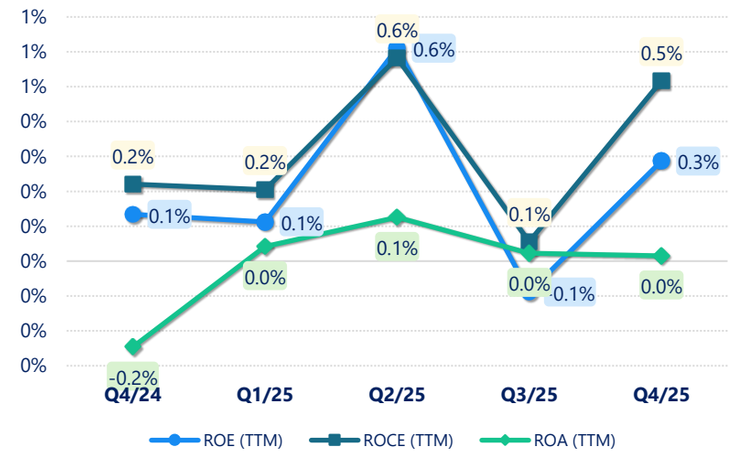
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



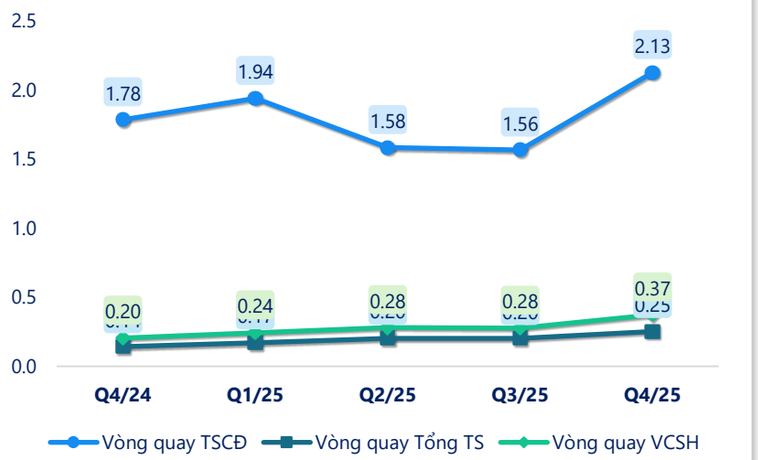
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



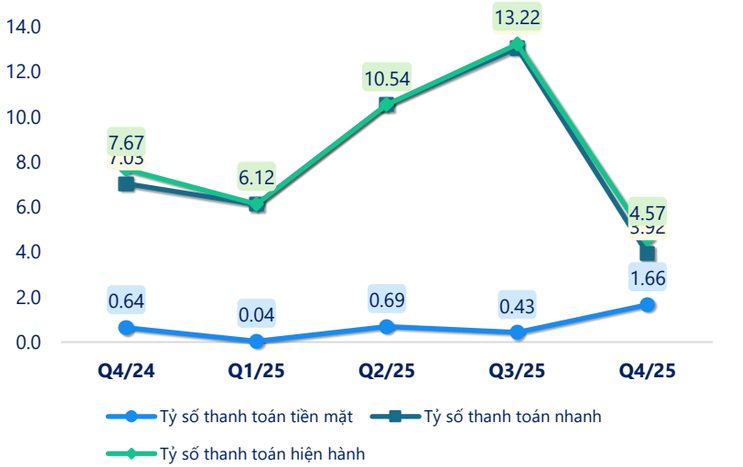
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



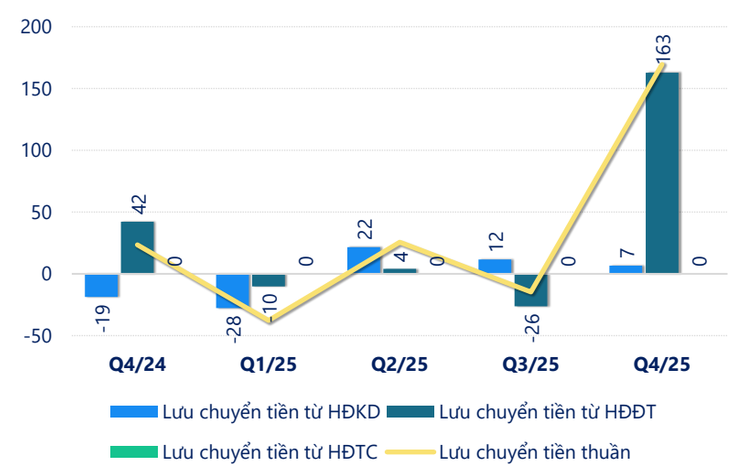
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (UPCOM: PSB)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**851**	**805**	**5.6%**
Tài sản ngắn hạn	505	486	3.8%
Tiền và tương đương tiền	183	40.8	349%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	37.0	307	-87.9%
Phải thu ngắn hạn	202	96.3	110%
Hàng tồn kho	71.2	39.7	79.4%
Tài sản ngắn hạn khác	10.8	2.29	370%
Tài sản dài hạn	**346**	**319**	**8.3%**
Phải thu dài hạn	0.02	0.00	400%
Tài sản cố định	133	63.9	107%
Bất động sản đầu tư	155	160	-3.0%
Tài sản dở dang	54.3	92.9	-41.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**4.12**	**2.80**	**47.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	290	246	17.8%
Nợ ngắn hạn	**110**	**62.5**	**76.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	64.8	4.50	1340%
Nợ dài hạn	179	183	-2.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**561**	**560**	**0.3%**
Vốn chủ sở hữu	**561**	**560**	**0.3%**
Vốn điều lệ	500	500	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	20.7	59.1	51.0	24.2	74.5
Giá vốn hàng bán	17.7	54.9	42.2	19.2	66.5
Lợi nhuận gộp	3.01	4.23	8.72	5.08	8.06
Doanh thu HĐTC	3.80	3.59	3.50	2.65	2.48
Chi phí TC	0.02	0	0.02	0.03	0.00
Chi phí lãi vay	0.00	0	0.02	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.15	0.15	0.15	0.15	0.05
Chi phí QLDN	8.40	5.53	8.53	2.96	8.83
LN thuần từ HĐKD	-1.76	2.16	3.53	4.60	1.67
Lợi nhuận khác	0.00	-1.60	-2.33	-4.20	0.00
LN trước thuế	-1.76	0.56	1.19	0.40	1.67
Lợi nhuận sau thuế	-1.98	0.34	0.97	0.17	0.13
LNST của CĐ cty mẹ	-1.98	0.34	0.97	0.17	0.13

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-18.8	-27.7	21.6	11.5	6.60
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	42.2	-10.1	3.95	-26.3	163
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	17.2	40.8	3.07	28.7	13.9
Lưu chuyển tiền thuần	**23.4**	**-37.7**	**25.6**	**-14.8**	**169**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.26	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	40.8	3.07	28.7	13.9	183

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic